

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 05/TTP/2020

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100      Fax:
4. Email: [ThiNhatKhanh.Huynh@tetrapak.com](mailto:ThiNhatKhanh.Huynh@tetrapak.com)
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:** Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm.

**2. Thành phần chính:** PE, màng nhôm, giấy và mực in.

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa PE
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6: Hai lớp nhựa PE

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 Tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.
- Các pallet được bọc bởi các lớp PE quấn xung quanh.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Tên nhà máy sản xuất: **Công ty cổ phần Tetra Pak Bình Dương**
- Địa chỉ nhà sản xuất: Số 12, VSIP II - A, Đường Số 30, KCN Vietnam Singapore II - A, Vinh Tân, Tân Uyên, Bình Dương



### III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến) - Hình sản phẩm



Tám, một mặt đã in,  
một mặt màu xám, không in  
(mặt tiếp xúc với thực phẩm).



**\*\* Ghi chú:** Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn nên mẫu nhãn đính kèm chỉ mang tính chất minh họa

#### - Nhãn gốc sản phẩm

|                                                  |  |                           |  |
|--------------------------------------------------|--|---------------------------|--|
| Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa    |  | Pallet Number / Pallet số |  |
| A: Tetra Pak® SP TH SWEET TBA200S FSC (BD)       |  | 18                        |  |
| Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa       |  | EAN                       |  |
| DVN-C459 -10                                     |  | 893521740015              |  |
| Customer name / Tên khách hàng                   |  | Global M                  |  |
| International Supply Chain Join                  |  | 930781459                 |  |
| Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất |  | Trọng lượng               |  |
| P532-0600236                                     |  | 0                         |  |
| Pallet Contents / Nội dung pallet                |  | Global M                  |  |
| 7-0016 / 16995                                   |  | 930781459                 |  |
| 9-0016 / 16995                                   |  | TBA/1                     |  |
| 5-0016 / 16995                                   |  |                           |  |
| 7-0003 / 16990                                   |  |                           |  |
| 8-0011 / 16975                                   |  |                           |  |
| 9-0011 / 16926                                   |  |                           |  |
| 9-0014 / 16940                                   |  |                           |  |
| Sản xuất: Việt Nam                               |  | GTIN of Content           |  |
| Thành phần: PE, nhôm, giấy và mực in             |  | 97329003910557            |  |
| Thông số kỹ thuật: QCVN 12-1201:2011             |  | SSCC                      |  |
| Hướng dẫn lưu trữ: 10°C - 40°C, độ ẩm 40% - 65%  |  | 373299508002360182        |  |
| Hướng dẫn sử dụng: Dùng trên máy lượng thích     |  | Số sản phẩm               |  |
| Xem tài liệu đính kèm                            |  | 0600236018                |  |
|                                                  |  | Customer Part Number      |  |
|                                                  |  | 03.07.19                  |  |
|                                                  |  | 01.07.20                  |  |

**\*\* Ghi chú:** Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn nên mẫu nhãn đính kèm chỉ mang tính chất minh họa

5028  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
LIÊN MINH  
VIỆT NAM  
4 PHỐ

## - Nội dung nhãn phụ sản phẩm

**Giấy phức hợp TBA dùng làm bao bì đựng thực phẩm.**

**Thành phần:** Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa PE
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

**Kích thước sản phẩm:** Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- Sản phẩm dùng để chứa đựng bao gói thực phẩm.
- Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài, Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.
- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác
- Bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải đặt cách tường ít nhất 100mm
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độ C – 40 độ C, độ ẩm 40-65%

**Hạn sử dụng:** 12 Tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak

**Xuất xứ:** Việt Nam

**Nhà sản xuất:** Công ty Cổ Phần Tetra Pak Bình Dương

**Địa chỉ nhà sản xuất:** Số 12, VSIP II - A, Đường Số 30, KCN Vietnam Singapore II - A, Vinh Tân, Tân Uyên, Bình Dương

**Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi:** CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM, địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028-38277100.

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1 Sản phẩm đạt yêu cầu yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Giới hạn công bố các chỉ tiêu an toàn thực phẩm.

2 Kết quả giám định:

2.1 Mô tả mẫu:

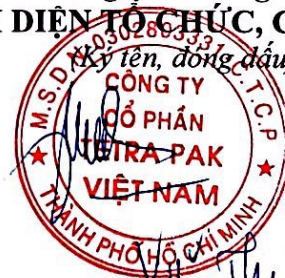


Tám, một mặt đã in,  
một mặt màu xám, không in  
(mặt tiếp xúc với thực phẩm).

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                                                                                                                | Kết quả<br>giám định | Giới hạn tối<br>đa cho phép<br>nêu tại mục<br>5 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------|
| 2.2 | Định danh nhựa<br>(mặt không in - tiếp xúc thực phẩm)                                                                                                       | Polyethylene         | Thuộc nhóm<br>nhựa nêu tại<br>mục 5             |
| 2.3 | Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL<br>- Trong nước cất, 60 °C, 30 phút<br>- Trong axit axetic 4%, 60 °C, 30 phút<br>- Trong n-heptan, 25°C, 60 phút | <5<br><5<br><10      | 30                                              |
| 2.4 | Hàm lượng KMnO <sub>4</sub> tiêu thụ trong nước chiết được<br>từ mẫu, 60 °C, 30 phút, µg/mL                                                                 | <1                   | 10                                              |
| 2.5 | Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được<br>từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL                                                        | <1                   | 1                                               |
| 2.6 | Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g<br>- Chì (Pb)<br>- Cadimi (Cd)                                                                                  | <5<br><5             | 100                                             |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

....., ngày 29 tháng 4 năm 2020  
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Và Thủ Thư Thảo

